

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT
TRI VIET SECURITIES
JOINT STOCK COMPANY

Số/No: 244/2025/CV-TVB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Hanoi, day 14 month 08 year 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
To: - *The State Securities Commission;*
- *Vietnam Stock Exchange;*
- *Hochiminh City Stock Exchange.*

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt
Name of organization: Tri Viet Securities Joint Stock Company
 - Mã chứng khoán/ *Stock code:* TVB
 - Địa chỉ/ *Address:* Tầng 2, Số 142 Đội Cấn, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội/
2nd Floor, No. 142 Doi Can, Ngoc Ha Ward, Hanoi.
 - Điện thoại liên hệ/ *Tel.:* 0242 242 5995 *Fax:* 04 38 398 974
 - E-mail: tvsc@tvsc.vn
2. Nội dung thông tin công bố:
 - Báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.
 - Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được soát xét tại thời điểm 30/06/2025.
 - Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 biến động từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm 2024.

Contents of disclosure:

- Reviewed Financial statements for the period from 01/01/2025 to 30/06/2025.
- Reviewed Financial safety ratio report as at 30/06/2025.
- The Explanation of the net profit after corporate income tax in the Reviewed Financial statements for the period from 01/01/2025 to 30/06/2025 changes by 10% or more compared to the same period last year 2024



3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/08/2025 tại đường dẫn: <https://tvsc.vn/bao-cao-tai-chinh/>

This information was published on the company's website on 14/08/2025, as in the link: <https://tvsc.vn/bao-cao-tai-chinh/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm

Attached documents

- BCTC đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Reviewed Financial statements for the period from 01/01/2025 to 30/06/2025.

- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được soát xét tại thời điểm 30/06/2025

Reviewed Financial safety ratio report as at 30/06/2025

- Giải trình chênh lệch lợi nhuận
Explannation of propfit differences



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT
TRI VIET SECURITIES
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No: 212./2025/CV-TVB

(V/v Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế
trên BCTC đã được soát xét cho giai đoạn
từ ngày 01/01/2025 đến 30/06/2025
so với cùng kỳ năm trước)

(Re: Explanation of Changes in Net Profit
After Tax on Reviewed Financial statements
for the period from 01/01/2025 to 30/06/2025
compared to the same period last year)

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2025
Ha Noi, day 14 month 08 year 2025

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To: - The State Securities Commission
- Vietnam Stock Exchange
- Hochiminh City Stock Exchange

Tên tổ chức/ Name of organization : Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt/
Tri Viet Securities Joint Stock Company.

Trụ sở chính/Address : Tầng 2, số 142 Đội Cấn, phường Ngọc Hà, Hà Nội/2rd
Floor, No. 142 Doi Can, Ngoc Ha Ward, Hanoi.

Điện thoại/Tel : 024.62732059

Fax : 024.62732058

Thực hiện Thông tư số: 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt xin giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 biến động từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm 2024. Cụ thể như sau:

Comply with the circular no: 96/2020/TT-BTC issued on 16/11/2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market, Tri Viet Securities Joint Stock Company would like to explain the net profit after corporate income tax in the Reviewed Financial statements for the period from 01/01/2025 to 30/06/2025 changes by 10% or more compared to the same period in 2024. Specifically as follows:

Chỉ tiêu/ Items	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025/ <i>From 01/01/2025 to 30/06/2025</i>	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024/ <i>From 01/01/2024 to 30/06/2024</i>	Chênh lệch/Difference	Biến động/ Movement (%)
	1	2	3=1-2	4=3/2
Doanh thu/Revenue	44.915.619.225	134.065.788.437	-89.150.169.212	-66%
Chi phí/ Expenses	39.663.256.811	46.745.446.982	-7.082.190.171	-15%
Lợi nhuận trước thuế/Profit before tax	5.252.362.414	87.320.341.455	-82.067.979.041	-94%
Chi phí Thuế TNDN/Corporate income tax expenses	-903.627.697	13.563.227.375	-14.466.855.072	-107%
Lợi nhuận sau thuế/Profit after tax	6.155.990.111	73.757.114.080	-67.601.123.969	-92%

Trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2025, Doanh thu của Công ty giảm so với cùng kỳ năm trước 66%, lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm so với năm 2024 là 92% là do;

In the first six months of 2025, the Company's revenue decreased by 66% compared to the same period last year, and profit after corporate income tax decreased by 92% compared to 2024, due to;

Doanh thu và lợi nhuận trên 6 tháng đầu năm 2025 giảm so với năm 2024 do thị trường chứng khoán biến động, chịu tác động mạnh từ các yếu tố thuế quan phức tạp và tình hình địa chính trị thế giới diễn biến khó lường.

Revenue and profit for the first six months of 2025 decreased compared to 2024 due to market volatility, significantly impacted by complex tariff factors and unpredictable global geopolitical developments.

Trên đây là các ý kiến giải trình của Công ty về biến động lợi nhuận của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 so với cùng kỳ năm 2024 gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam (VNX), Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX).

Above are the Company's explanations about profit fluctuations in the Reviewed Financial statements for the period from 01/01/2025 to 30/06/2025 compared to the same period in 2024 sent to The State Securities Commission, Vietnam Stock Exchange (VNX), Hochiminh City Stock Exchange (HSX).



Trân trọng!
Best regards!

Nơi nhận:

Receipts:

- Như kính gửi;
As above
- Lưu VP HĐQT
Archived the board office

CÔNG TY CPCK TRÍ VIỆT
TRI VIET SECURITIES
JOINT STOCK COMPANY

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
TRÍ VIỆT
NGÔ LONG GIANG



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 13
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ	14
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	15 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo và đã được Ban Tổng giám đốc phê duyệt.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Hằng	Chủ tịch HĐQT	
Ông Nguyễn Đức Thanh	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 07/06/2025
Ông Trần Vũ Hoàng Sơn	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 07/06/2025
Ông Phạm Văn Khiêm	Thành viên HĐQT độc lập	

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Ngô Long Giang	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/01/2025
Ông Chu Tuấn An	Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16/01/2025
Ông Nguyễn Anh Đức	Kế toán trưởng	

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Hằng - Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ông Ngô Long Giang - Tổng giám đốc.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 30/06/2025 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ và được Hội đồng quản trị phê duyệt. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ quy định về quản trị công ty và nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ngô Long Giang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Số: 896/2025/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14/08/2025, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 37 - Thông tin mua lại cổ phiếu quỹ. Việc thực hiện mua lại cổ phiếu của người lao động theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 cũng như các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty vẫn chưa được hoàn tất. Tính đến ngày 30/06/2025, Công ty đã thực hiện tạm ứng mua lại Cổ phiếu với giá trị 100% giá trị mua lại ước tính cho một số cá nhân với tổng giá trị là 15,49 tỷ đồng.

Kết luận soát xét của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:

0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

TÀI SẢN	Mã	Thuyết	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.154.490.870.501	1.166.824.925.639
TÀI SẢN TÀI CHÍNH	110		1.105.409.550.423	1.125.699.848.887
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	832.517.150.371	581.582.428.680
Tiền	111.1		107.517.150.371	531.582.428.680
Các khoản tương đương tiền	111.2		725.000.000.000	50.000.000.000
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7	92.961.316.000	256.191.140.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113		-	20.000.000.000
Các khoản cho vay	114	8	41.003.688.659	5.180.423.916
Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	7	-	123.482.300.000
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116		(4.615.187.750)	(4.615.187.750)
Các khoản phải thu	117		1.591.498.030	2.057.874.165
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4	10	1.591.498.030	2.057.874.165
Trả trước cho người bán	118	10	440.987.385	323.656.630
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	10	453.456.479	437.147.037
Các khoản phải thu khác	122	10	483.314.226.880	483.317.651.840
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	11	(342.257.585.631)	(342.257.585.631)
TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	130		49.081.320.078	41.125.076.752
Tạm ứng	131		44.714.712.767	36.365.455.850
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	9	858.567.853	1.824.422.319
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		127.274.741	107.274.741
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136	16	3.380.764.717	2.827.923.842
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.020.013.923	15.348.569.051
Tài sản cố định	220		1.698.732.707	221.055.851
Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.647.926.259	151.801.016
- Nguyên giá	222		7.642.743.876	5.898.063.876
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(5.994.817.617)	(5.746.262.860)
Tài sản cố định vô hình	227	13	50.806.448	69.254.835
- Nguyên giá	228		8.983.800.575	8.983.800.575
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(8.932.994.127)	(8.914.545.740)
Tài sản dài hạn khác	250		14.321.281.216	15.127.513.200
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	251		333.895.235	324.816.059
Chi phí trả trước dài hạn	252	9	48.512.674	181.003.216
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	14	13.938.873.307	14.621.693.925
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.170.510.884.424	1.182.173.494.690

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã	Thuyết	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		13.234.497.199	33.481.177.576
Nợ phải trả ngắn hạn	310		13.234.497.199	32.577.549.879
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	15	149.355.232	108.338.985
Phải trả người bán ngắn hạn	320		75.023.000	18.605.000.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		421.500.000	436.500.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	16	-	27.273
Phải trả người lao động	323		248.087.721	546.556.213
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		642.083.687	637.875.687
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	17	10.941.634.559	11.486.438.721
Các khoản phải trả, phải nộp khác	329	18	756.813.000	756.813.000
Nợ phải trả dài hạn	340		-	903.627.697
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	19	-	903.627.697
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.157.276.387.225	1.148.692.317.114
Vốn chủ sở hữu	410	20	1.157.276.387.225	1.148.692.317.114
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.137.663.158.929	1.137.663.158.929
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		1.120.970.190.000	1.120.970.190.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1		1.120.970.190.000	1.120.970.190.000
Thặng dư vốn cổ phần	411.2		16.692.968.929	16.692.968.929
Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		(3.075.000)	(2.431.155.000)
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		6.542.460.209	6.542.460.209
Lợi nhuận chưa phân phối	417		13.073.843.087	6.917.852.976
Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		6.182.567.083	3.303.342.187
Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		6.891.276.004	3.614.510.789
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		1.170.510.884.424	1.182.173.494.690

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Hoàng Thị Trà My

Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Đức

Tổng Giám đốc



Ngô Long Giang

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Cổ phiếu đang lưu hành	006	CP	112.097.019	112.097.019
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	21	46.198.600.000	124.820.100.000
Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010		-	3.050.000.000
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	22	801.230.920.000	918.074.800.000
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		668.947.450.000	827.031.160.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		6.650.000.000	6.650.000.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		-	-
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		83.938.520.000	83.938.520.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		41.694.950.000	455.120.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	23	36.759.180.000	1.238.890.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		36.759.180.000	1.238.890.000
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	24	86.660.540.000	16.032.080.000
Tiền gửi của khách hàng	026	25	89.336.634.202	68.840.753.955
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		89.336.634.202	68.840.753.955
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	26	89.336.634.202	68.840.753.955
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		89.294.588.347	68.798.608.100
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		42.045.855	42.145.855

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Hoàng Thị Trà My

Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Đức

Tổng Giám đốc



Ngô Long Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
Doanh thu hoạt động				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		41.526.021.309	130.056.818.932
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	27	47.110.179.835	164.403.171.185
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2	28	(6.930.647.482)	(42.577.539.561)
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	29	1.346.488.956	8.231.187.308
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	29	2.285.890.414	1.231.687.671
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	29	100.955.456	480.831.815
Doanh thu môi giới chứng khoán	06	30	418.717.245	1.461.723.804
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	30	146.490.426	176.034.220
Thu nhập hoạt động khác	11	30	31.866.219	25.330.122
Cộng doanh thu hoạt động	20		44.509.941.069	133.432.426.564
Chi phí hoạt động				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		20.521.693.353	15.252.333.531
Lỗ bán các tài sản tài chính	21.1	27	29.825.478.353	27.935.945.234
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	28	(9.303.785.000)	(12.683.611.703)
Chi phí hoạt động tự doanh	26	31	5.260.160.406	15.428.091.493
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	31	2.022.333.789	4.820.202.922
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	31	186.188.416	204.536.484
Chi phí các dịch vụ khác	32	31	23.931.504	31.209.285
Cộng chi phí hoạt động	40		28.014.307.468	35.736.373.715
Doanh thu hoạt động tài chính				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong năm	42	32	405.678.156	633.359.883
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		405.678.156	633.359.883
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	62	33	11.587.559.343	11.009.073.267
Kết quả hoạt động	70		5.313.752.414	87.320.339.465

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
Thu nhập khác và chi phí khác				
Thu nhập khác	71		-	1.990
Chi phí khác	72		61.390.000	-
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(61.390.000)	1.990
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	90		5.252.362.414	87.320.341.455
Lợi nhuận đã thực hiện	91		2.879.224.896	117.214.269.313
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		2.373.137.518	(29.893.927.858)
Chi phí thuế TNDN	100		(903.627.697)	13.563.227.375
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		-	19.542.012.946
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	34	(903.627.697)	(5.978.785.571)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	200		6.155.990.111	73.757.114.080
Thu nhập (lỗ) toán diện khác sau thuế TNDN	300			
Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	301		(3.075.000)	1.137.865.000
Tổng thu nhập toàn diện	400		(3.075.000)	1.137.865.000
Thu nhập thuần trên cổ phiếu phổ thông	500		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	501	35	55	658

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Hoàng Thị Trà My

Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Đức

Tổng Giám đốc



Ngô Long Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		5.252.362.414	87.320.341.455
Điều chỉnh cho các khoản:	02		(1.730.173.042)	(1.270.505.762)
- Khấu hao TSCĐ	03		267.003.144	186.149.408
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(405.678.156)	(633.359.883)
- Dự thu tiền lãi	08		(1.591.498.030)	(823.295.287)
Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		9.303.785.000	12.683.611.703
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		9.303.785.000	12.683.611.703
Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		6.930.647.482	42.577.539.561
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		6.930.647.482	42.577.539.561
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		19.756.621.854	141.310.986.957
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		146.995.391.518	264.705.879.208
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM	32		20.000.000.000	-
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(35.823.264.743)	9.294.171.657
- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	34		125.910.380.000	88.677.159.507
(-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		-	26.029.363.033
(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	36		2.057.874.165	1.176.469.131
(-) Tăng, (+) giảm các phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(16.309.442)	(31.542.262)
(+) Tăng, (-) giảm các khoản phải thu khác	39		568.914.823	(5.306.216.627)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		(8.349.256.917)	(6.515.490.347)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(544.804.162)	9.105.867.630
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		1.098.345.008	1.844.231.699
(-) Thuế TNDN đã nộp	43		-	(1.200.000.000)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		(18.503.960.753)	179.116.783
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		4.208.000	(45.368.000)
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		(552.868.148)	1.759.178.874
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		(298.468.492)	(5.947.591.127)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(29.079.176)	(101.404.643)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		252.273.723.535	524.934.811.473

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(1.744.680.000)	-
Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		405.678.156	633.359.883
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>70</i>		<i>(1.339.001.844)</i>	<i>633.359.883</i>
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		250.934.721.691	525.568.171.356
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	5	581.582.428.680	192.648.157.876
- Tiền	101.1		531.582.428.680	77.648.157.876
- Các khoản tương đương tiền	101.2		50.000.000.000	115.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	5	832.517.150.371	718.216.329.232
- Tiền	103.1		107.517.150.371	610.216.329.232
- Các khoản tương đương tiền	103.2		725.000.000.000	108.000.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		108.326.714.160	445.763.470.730
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(135.045.118.020)	(463.902.009.682)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		255.637.111.262	758.920.023.288
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(210.027.020.751)	(511.650.420.335)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(169.534.614)	(134.870.176)
Tiền thu của Tổ chức phát hành	14		1.773.728.210	2.784.518.392
Tiền chi trả Tổ chức phát hành	15		-	54.848.000
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		20.495.880.247	231.835.560.217
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30	25	68.840.753.955	19.643.713.360
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		68.840.753.955	19.643.713.360
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý trong đó	32		68.840.753.955	19.643.713.360
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40	25	89.336.634.202	251.479.273.577
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		89.336.634.202	251.479.273.577
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		89.336.634.202	251.479.273.577

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Hoàng Thị Trà My

Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Đức



Ngô Long Giang

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

hị tiêu u	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
	Tại 01/01/2024		Tại 01/01/2025		Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024		Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	
	VND	VND	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND
ìn đầu tư của u sở hữu	1.137.663.158.929	1.137.663.158.929	-	-	-	-	-	-
ố phiếu phổ ợng có quyền ầu quyết	1.120.970.190.000	1.120.970.190.000	-	-	-	-	-	-
hặng dư vốn phân	16.692.968.929	16.692.968.929	-	-	-	-	-	-
ý dự trừ bỏ	6.542.460.209	6.542.460.209	-	-	-	-	-	-
ng vốn điều lệ	(40.524.521.307)	(2.431.155.000)	42.096.546.307	434.160.000	18.221.180.000	15.793.100.000	1.137.865.000	(3.075.000)
ình lịch đánh lại tài sản theo trị hợp lý	(119.229.324.076)	6.917.852.976	191.679.958.986	117.922.844.906	77.245.829.528	71.089.839.417	(45.472.209.996)	13.073.843.087
ợi nhuận đã ợc hiện	(169.860.129.645)	3.303.342.187	118.464.505.999	20.792.249.632	12.448.351.768	9.569.126.872	(72.187.873.278)	6.182.567.083
Lợi nhuận ực thực hiện	50.630.805.569	3.614.510.789	73.215.452.987	97.130.595.274	64.797.477.760	61.520.712.545	26.715.663.282	6.891.276.004
ing	984.451.773.755	1.148.692.317.114	233.776.505.293	118.357.004.906	95.467.009.528	86.882.939.417	1.099.871.274.142	1.157.276.387.225

Người lập biểu

Hoàng Thị Trà My

Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Đức

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT

Q. BÀ ĐÌNH

Ngô Long Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT

Tầng 2, số 142 Đội Cấn, phường Ngọc Hà,
thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt (“Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 46/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006 và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 60/GPĐC-UBCK ngày 04/08/2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu là TVB.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2025 là 35 người (tại ngày 01/01/2025 là 26 người).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Tầng 2, số 142 Đội Cấn, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội.

1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**Hoạt động chính**

Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn tài chính; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Quy mô vốn

Tại ngày 30/06/2025, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.120.970.190.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn một trăm hai mươi tỷ, chín trăm bảy mươi triệu, một trăm chín mươi ngàn đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)****Hạn chế đầu tư**

Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành:

1. Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
2. Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
3. Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
4. Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - c) Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - d) Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - e) Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - g) Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL được ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ Kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT

Tầng 2, số 142 Đội Cấn, phường Ngọc Hà,
thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến 30 tháng 06 năm 2025.

2.3 Đơn vị tiền tệ

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam “VND” và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuyên bố về tuân thủ Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này nhất quán với các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong Báo cáo tài chính năm 2024.

3.2 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.2 Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền (tiếp)**Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD**

Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD phản ánh các khoản tiền đặt cọc của nhà đầu tư cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán phái sinh. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Là số tiền Công ty nộp cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán với khoản đóng góp cố định ban đầu là 120 triệu đồng và khoản đóng hàng năm được xác định bằng 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các SGD Chứng khoán được thanh toán qua thành viên lưu ký của năm liền trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

4.3 Nguyên tắc ghi nhận tài sản tài chính**a. Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản chính được xác định theo giá mua/ chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL), chỉ được xác định theo giá mua/ chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4.3 Nguyên tắc ghi nhận tài sản tài chính (tiếp)****b. Nguyên tắc phân loại****Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong số các điều kiện sau:

(i) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

(ii) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào các tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK mua vào: Cơ sở ghi nhận tăng/giảm số lượng và giá trị chứng khoán FVTPL mua trong Danh mục tài sản tài chính của CTCK được tính tại ngày T+0.

Cuối kỳ kế toán phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

Đối với các tài sản tài chính FVTPL niêm yết/đăng ký giao dịch, giá thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính.

Đối với các tài sản tài chính FVTPL không niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty không thu thập được giá thị trường, Công ty đang ghi nhận giá trị các tài sản trên theo giá gốc.

Giá xuất của các tài sản tài chính này ghi nhận thông qua lãi/lỗ xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.3 Nguyên tắc ghi nhận tài sản tài chính (tiếp)**Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động;
- Các khoản được Công ty phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được thực hiện bao gồm hợp đồng giao dịch ký quỹ và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản thì chính phủ nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4.3 Nguyên tắc ghi nhận tài sản tài chính (tiếp)****Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp**

Kết thúc kỳ kế toán, Công ty phải đánh giá dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp đảm bảo đối với khoản cho vay của CTCK theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy sự giảm giá trị của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, Công ty phải xác định giá trị của bất kỳ khoản lỗ do suy giảm giá trị của nhóm tài sản tài chính này và ghi nhận dự phòng suy giảm giá trị của các tài sản tài chính.

Mức lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị tài sản thuần tính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá trị khoản cho vay tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp đã ghi nhận trên sổ kế toán tại ngày trích lập dự phòng.

4.4 Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của Pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

4.5 Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

4.6 Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính (theo năm), cụ thể như sau:

Danh mục tài sản cố định	Năm
Máy móc thiết bị	03 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Tài sản cố định khác	03 - 05
Phần mềm máy tính	02 - 05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.7 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.8 Các khoản nợ phải trả**Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

Phản ánh tính hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được Công ty mua lại cổ phiếu do chính Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu/các cổ đông/các thành viên sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và danh sách cổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.10 Doanh thu, thu nhập

- **Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:**

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

- **Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:**

Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các khoản chênh lệch giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra; Khoản thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu, tiền lãi phát sinh các khoản tiền gửi cố định thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL; Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL.

- **Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):**

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính nắm giữ tới ngày đáo hạn (HTM) mà Công ty được nhận (lãi trái phiếu, lãi tiền gửi có kỳ hạn).

- **Lãi từ các khoản cho vay và phải thu:**

Lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật.

- **Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):**

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính AFS mà Công ty được nhận (lãi cổ tức, lãi trái phiếu, công cụ tiền tệ).

- **Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính:**

Là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật. Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

- **Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:**

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng và phí quản lý sổ cổ đông.

4.11 Thu nhập hoạt động khác

Phản ánh thu nhập hoạt động khác, gồm: Cho thuê, sử dụng tài sản, doanh thu dịch vụ tài chính khác, doanh thu từ trả hộ gốc, lãi trái phiếu, cổ tức của tổ chức phát hành và doanh thu khác.

4.12 Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính**Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.13 Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty**Chi phí quản lý Công ty chứng khoán**

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động phản ánh các khoản lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc Danh mục đầu tư tài sản tài chính, gồm: FVTPL, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay, tài sản sẵn sàng để bán và chi phí hoạt động tự doanh.

Chi phí hoạt động dung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí có liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ của Công ty, bao gồm:

- Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán;
- Chi phí nghiệp vụ tư vấn chứng khoán Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán;
- Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán,
- Chi phí các dịch vụ tài chính khác;
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán.
- Chi phí các dịch vụ khác.

4.14 Các khoản thuế**Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.14 Các khoản thuế (tiếp)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

4.15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.16 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Toàn bộ các thông tin với bên liên quan được Công ty trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

4.17 Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là môi giới chứng khoán, tư vấn tài chính và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT
Tầng 2, số 142 Đội Cấn, phường Ngọc Hà,
thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	459.770.457	319.770.457
Tiền gửi ngân hàng	106.468.407.968	531.252.301.091
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	588.971.946	10.357.132
Tương đương tiền (*)	725.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	832.517.150.371	581.582.428.680

(*) Tại 30/06/2025: Là khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kỳ hạn dưới 3 tháng, trả lãi cuối kỳ với lãi suất theo quy định cụ thể tại từng hợp đồng.

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
	CP	VND
Của Công ty chứng khoán	44.451.321	1.330.510.533.000
- Cổ phiếu	44.306.940	1.316.072.433.000
- Trái phiếu	144.381	14.438.100.000
Của nhà đầu tư	32.533.840	321.908.741.030
- Cổ phiếu	32.533.840	321.908.741.030
Cộng	76.985.161	1.652.419.274.030

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT

Tầng 2, số 142 Đội Cấn, phường Ngọc Hà,
thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Chỉ tiêu	Tại 30/06/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	86.070.039.996	92.961.316.000	238.672.599.314	241.753.040.000
- MWG	25.919.874.843	29.226.100.000	36.609.702.466	47.006.600.000
- SSI	-	-	9.174.824.207	11.004.562.000
- TDH	7.903.063.000	9.832.704.000	7.903.063.000	6.277.128.000
- DGW	-	-	65.244.250.000	57.566.400.000
- HPG	52.247.102.153	53.902.512.000	119.740.759.641	119.898.350.000
Trái phiếu niêm yết	-	-	13.000.402.200	14.438.100.000
- BID	-	-	13.000.402.200	14.438.100.000
Cộng	86.070.039.996	92.961.316.000	251.673.001.514	256.191.140.000

Giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Chỉ tiêu	Tại 30/06/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	-	-	125.913.455.000	123.482.300.000
- MWG	-	-	125.910.380.000	123.482.300.000
- HPG	-	-	-	-
- Cổ phiếu khác	-	-	-	-
Cổ phiếu hủy niêm yết	3.075.000	-	3.075.000	-
Cộng	3.075.000	-	125.916.530.000	123.482.300.000

7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)

Bảng tình hình biến động giá thị trường của tài sản tài chính

Tại 30/06/2025										Tại 01/01/2025			
Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá kỳ này		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng		Chênh lệch đánh giá năm trước	Giá trị đánh giá lại			
		Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm					
VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND			
86.070.039.996	92.961.316.000	6.891.276.004	-	92.961.316.000	251.673.001.514	256.191.140.000	13.821.923.486	(9.303.785.000)	256.191.140.000				
86.070.039.996	92.961.316.000	6.891.276.004	-	92.961.316.000	238.672.599.314	241.753.040.000	12.384.225.686	(9.303.785.000)	241.753.040.000				
-	-	-	-	-	13.000.402.200	14.438.100.000	1.437.697.800	-	14.438.100.000				
3.075.000	-	-	-	-	125.913.455.000	123.482.300.000	-	(2.431.155.000)	123.482.300.000				
-	-	-	-	-	125.910.380.000	123.482.300.000	-	(2.428.080.000)	123.482.300.000				
3.075.000	-	-	-	-	3.075.000	-	-	(3.075.000)	-				
86.073.114.996	92.961.316.000	6.891.276.004	-	92.961.316.000	377.586.456.514	379.673.440.000	13.821.923.486	(11.734.940.000)	379.673.440.000				

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆTTầng 2, số 142 Đội Cấn, phường Ngọc Hà,
thành phố Hà Nội.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. CÁC KHOẢN CHO VAY

Chỉ tiêu	Tại 30/06/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (*)	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (*)
	VND	VND	VND	VND
Các khoản cho vay và phải thu				
+ Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư	4.615.187.750	-	4.615.187.750	-
+ Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán CK của nhà đầu tư	36.388.500.909	36.388.500.909	565.236.166	565.236.166
Cộng	41.003.688.659	36.388.500.909	5.180.423.916	565.236.166

Dự phòng suy giảm các khoản cho vay hoạt động margin tại ngày 30/06/2025 là 4.615.187.750 VND (tại ngày 01/01/2025 là 4.615.187.750 VND). Đây là phần giảm giá của cổ phiếu FTM. Công ty đã thực hiện trích lập chi phí 100% giá trị đối với phần giảm giá này. Tuy nhiên trong thời gian thực hiện cho vay Công ty đã thu được số tiền lãi là 2.692.793.768 đồng.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	858.567.853	1.824.422.319
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	69.203.874	30.540.915
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	789.363.979	1.793.881.404
Chi phí trả trước dài hạn	48.512.674	181.003.216
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	56.256.917
Chi phí trả trước dài hạn khác	48.512.674	124.746.299
Cộng	907.080.527	2.005.425.535

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT

Tầng 2, số 142 Đội Cấn, phường Ngọc Hà,
thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi	1.591.498.030	2.057.874.165
Dự thu cổ tức - Cổ phiếu phổ thông	1.591.498.030	2.057.874.165
<i>Trong đó, dự phòng nợ phải thu khó đòi</i>	<i>(610.532.001)</i>	<i>(610.532.001)</i>
Trả trước cho người bán	440.987.385	323.656.630
Trả trước cho người bán khác	440.987.385	323.656.630
<i>Trong đó, dự phòng nợ phải thu khó đòi</i>	<i>(199.176.750)</i>	<i>(199.176.750)</i>
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	453.456.479	437.147.037
<i>Trong đó, dự phòng nợ phải thu khó đòi</i>	<i>(63.000.000)</i>	<i>(63.000.000)</i>
Phải thu khác	483.314.226.880	483.317.651.840
Phải thu từ hợp đồng mua bán chứng khoán (*)	465.376.876.880	465.376.876.880
Công ty Cổ Phần Xây dựng Đầu tư Mạnh Cường	131.960.000.000	131.960.000.000
Công ty Cổ Phần phát triển đầu tư Việt Bắc	156.320.000.000	156.320.000.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Vĩnh Thành	172.195.000.000	172.195.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương Vân	700.442.612	700.442.612
Ông Phạm Thành Thái Lĩnh	4.201.434.268	4.201.434.268
Ứng trước tiền mua lại cổ phiếu ESOP	15.490.000.000	15.490.000.000
Các khoản khác	2.447.350.000	2.450.774.960
<i>Trong đó, dự phòng nợ phải thu khó đòi</i>	<i>(341.384.876.880)</i>	<i>(341.384.876.880)</i>
Cộng	485.800.168.774	486.136.329.672

11. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025			
		Số trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND	VND	VND	VND
1. Dự phòng các khoản ứng trước cho người bán	199.176.750	-	-	199.176.750	199.176.750
Công ty CP Giải pháp phần mềm Legatek	45.000.000	-	-	45.000.000	45.000.000
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	154.176.750	-	-	154.176.750	154.176.750
2. Dự phòng các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	63.000.000	-	-	63.000.000	63.000.000
Công ty CP Cầu Xáy	63.000.000	-	-	63.000.000	63.000.000
3. Dự phòng các khoản phải thu khác	465.376.876.880	-	-	341.384.876.880	341.384.876.880
Phạm Thành Thái Linh	4.201.434.268	-	-	4.201.434.268	4.201.434.268
Nguyễn Thị Phương Vân	700.442.612	-	-	700.442.612	700.442.612
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Vĩnh Thành (*)	172.195.000.000	-	-	126.637.000.000	126.637.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Việt Bắc (*)	156.320.000.000	-	-	113.624.000.000	113.624.000.000
Công ty Cổ Phần Xây dựng Đầu tư Mạnh Cường (*)	131.960.000.000	-	-	96.222.000.000	96.222.000.000
4. Dự phòng các khoản phải thu tiền lãi giao dịch ký quỹ	610.532.001	-	-	610.532.001	610.532.001
Ông Lâm Văn Đình	291.766.312	-	-	291.766.312	291.766.312
Ông Phạm Đình Giá	104.591.440	-	-	104.591.440	104.591.440
Ông Lê Quốc Quân	214.174.249	-	-	214.174.249	214.174.249
Cộng	465.639.053.630	-	-	342.257.585.631	342.257.585.631

(*) Các khoản phải thu theo Hợp đồng được ký kết giữa Công ty và các đối tác, mục đích chuyển tiền tìm kiếm cơ hội đầu tư có khả năng mang lại lợi tức cao thông qua việc tìm kiếm các khách hàng có nhu cầu bán các loại chứng khoán, thời hạn thực hiện hợp đồng là 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Các khoản phải thu này đều đã quá hạn thanh toán theo điều khoản hợp đồng. Việc đàm phán và ký kết hợp đồng với các đối tác này do các cá nhân trong Ban lãnh đạo cũ của Công ty trực tiếp thực hiện. Ban lãnh đạo hiện tại của Công ty đã đánh giá thận trọng khả năng thu hồi các khoản phải thu này dựa trên các thông tin hiện có và quyết định trích lập dự phòng với giá trị là 336.483.000.000 đồng. Số chưa trích lập dự phòng được đảm bảo bằng tài sản là các cổ phiếu đang niêm yết thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Tùng Trí Việt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT
Tầng 2, số 142 Đội Cấn, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2025	2.976.350.001	2.335.892.727	94.347.000	491.474.148	5.898.063.876
Tăng trong kỳ	-	1.744.680.000	-	-	1.744.680.000
Tại 30/06/2025	2.976.350.001	4.080.572.727	94.347.000	491.474.148	7.642.743.876
HAO MÒN LUY KẾ					
Tại 01/01/2025	(2.976.350.001)	(2.214.647.278)	(69.467.433)	(485.798.148)	(5.746.262.860)
Khấu hao trong kỳ	-	(219.127.424)	(23.751.333)	(5.676.000)	(248.554.757)
Tại 30/06/2025	(2.976.350.001)	(2.433.774.702)	(93.218.766)	(491.474.148)	(5.994.817.617)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2025	-	121.245.449	24.879.567	5.676.000	151.801.016
Tại 30/06/2025	-	1.646.798.025	1.128.234	-	1.647.926.259

Tại ngày 30/06/2025, tổng nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 4.586.617.785 VND (tại ngày 01/01/2025 là 4.540.398.285 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT

Tầng 2, số 142 Đội Cấn, phường Ngọc Hà,
thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2025	8.983.800.575	8.983.800.575
Tại 30/06/2025	8.983.800.575	8.983.800.575
HAO MÒN LUỸ KẾ		
Tại 01/01/2025	(8.914.545.740)	(8.914.545.740)
Khấu hao trong kỳ	(18.448.387)	(18.448.387)
Tại 30/06/2025	(8.932.994.127)	(8.932.994.127)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2025	69.254.835	69.254.835
Tại 30/06/2025	50.806.448	50.806.448

Tại ngày 30/06/2025, tổng nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 8.808.800.576 VND (tại ngày 01/01/2025 là 8.586.200.576 VND).

14. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	11.028.302.210	11.028.302.210
Tiền lãi phân bổ hàng năm	2.790.571.097	3.473.391.715
Cộng	13.938.873.307	14.621.693.925

15. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	120.620.324	77.982.128
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)	28.734.908	30.356.857
Cộng	149.355.232	108.338.985

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆTTầng 2, số 142 Đội Cấn, phường Ngọc Hà,
thành phố Hà Nội.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại 30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	27.273	186.623	213.896	-
- Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	27.273	3.186.623	3.213.896	-

	Tại 01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại 30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.995.720.403	-	-	1.995.720.403
- Thuế thu nhập cá nhân	832.203.439	3.235.078.782	3.787.919.657	1.385.044.314
Cộng	2.827.923.842	3.235.078.782	3.787.919.657	3.380.764.717

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Chi phí phải trả hoạt động tự doanh	10.876.577.009	10.876.577.009
Các khoản khác	65.057.550	609.861.712
Cộng	10.941.634.559	11.486.438.721

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Cổ tức bằng tiền của cổ đông chưa lưu ký	756.813.000	756.813.000
Cộng	756.813.000	756.813.000

19. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	903.627.697
Cộng	-	903.627.697

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT

Tầng 2, số 142 Đội Cấn, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng biến động vốn Chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND				VND	VND	
01/01/2024	1.120.970.190.000	16.692.968.929	(40.524.521.307)	6.542.460.209	(119.229.324.076)	984.451.773.755		
- Lãi trong năm	-	-	-	-	126.147.177.052	126.147.177.052		
- Tăng, giảm khác	-	-	38.093.366.307	-	-	38.093.366.307		
31/12/2024	1.120.970.190.000	16.692.968.929	(2.431.155.000)	6.542.460.209	6.917.852.976	1.148.692.317.114		
01/01/2025	1.120.970.190.000	16.692.968.929	(2.431.155.000)	6.542.460.209	6.917.852.976	1.148.692.317.114		
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	6.155.990.111	6.155.990.111		
- Tăng, giảm khác	-	-	2.428.080.000	-	-	2.428.080.000		
30/06/2025	1.120.970.190.000	16.692.968.929	(3.075.000)	6.542.460.209	13.073.843.087	1.157.276.387.225		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Chi tiết về vốn chủ sở hữu

Cổ đông	Tại 30/06/2025		Tại 01/01/2025	
	Số vốn thực góp VND	Tỷ lệ %	Số vốn thực góp VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt	766.742.560.000	68,40%	717.853.560.000	64,04%
Các cổ đông khác	403.116.630.000	31,60%	403.116.630.000	35,96%
Cộng	1.120.970.190.000	100,00%	1.120.970.190.000	100,00%

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty như sau:

	Tại 30/06/2025 Cổ phiếu	Tại 01/01/2025 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	112.097.019	112.097.019
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	112.097.019	112.097.019
+ Cổ phiếu phổ thông	112.097.019	112.097.019
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	112.097.019	112.097.019
+ Cổ phiếu phổ thông	112.097.019	112.097.019
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

21. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CTCK

	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	46.198.600.000	124.820.100.000
Cộng	46.198.600.000	124.820.100.000

22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	668.947.450.000	827.031.160.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển	6.650.000.000	6.650.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	83.938.520.000	83.938.520.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	41.694.950.000	455.120.000
Cộng	801.230.920.000	918.074.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT

Tầng 2, số 142 Đội Cấn, phường Ngọc Hà,
thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	36.759.180.000	1.238.890.000
Cộng	36.759.180.000	1.238.890.000

24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	86.660.540.000	16.032.080.000
Cộng	86.660.540.000	16.032.080.000

25. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	89.336.634.202	68.840.753.955
Cộng	89.336.634.202	68.840.753.955

26. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ VỀ TIỀN GỬI GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THEO PHƯƠNG THỨC CTCK QUẢN LÝ

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	89.336.634.202	68.840.753.955
Nhà đầu tư trong nước	89.294.588.347	68.796.501.572
Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	42.045.855	42.145.855
Cộng	89.336.634.202	68.840.753.955

LÃI (LỖ) BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán từ 01/01/2025 đến 30/06/2025		Lãi/(lỗ) bán chứng khoán từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	
				VND	VND	VND	VND
Lãi bán							
Cổ phiếu niêm yết	21.931.140	688.626.253.000	643.072.359.318		45.672.482.035		164.403.171.185
Trái phiếu niêm yết	144.381	14.438.100.000	13.000.402.200		1.437.697.800		-
Cộng	21.931.140	688.626.253.000	643.072.359.318		47.110.179.835		164.403.171.185
Lỗ bán							
Cổ phiếu niêm yết	3.584.000	116.589.935.000	146.296.825.000		(29.825.478.353)		(26.483.945.234)
Trái phiếu niêm yết	-	-	-		-		(1.452.000.000)
Cộng	3.584.000	116.589.935.000	146.296.825.000		(29.825.478.353)		(27.935.945.234)
Lãi/lỗ từ bán TSTC	25.515.140	805.216.188.000	789.369.184.318		17.284.701.482		136.467.225.951

CHÈNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Đơn vị: đồng			
		Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025		Năm 2024	
		Chênh lệch tăng đánh giá lại trong kỳ	Chênh lệch giảm đánh giá lại trong kỳ	Chênh lệch tăng đánh giá lại trong năm	Chênh lệch giảm đánh giá lại trong năm
I	Tài sản FVTPL	6.891.276.004	-	13.821.923.486	(9.303.785.000)
1	Cổ phiếu niêm yết	6.891.276.004	-	12.384.225.686	(5.492.949.682)
2	Trái phiếu niêm yết	-	-	1.437.697.800	(1.437.697.800)
Cộng		6.891.276.004	-	13.821.923.486	(9.303.785.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. CỔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ FVTPL, CÁC KHOẢN CHO VAY, HTM, AFS

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL (cổ tức bằng tiền)	1.346.488.956	8.231.187.308
Từ tài sản tài chính HTM (lãi tiền gửi có kỳ hạn)	2.285.890.414	1.231.687.671
Từ các khoản cho vay và phải thu	100.955.456	480.831.815
Cộng	3.733.334.826	9.943.706.794

30. DOANH THU MÔI GIỚI, BẢO LÃNH, TƯ VẤN VÀ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	418.717.245	1.461.723.804
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	146.490.426	176.034.220
Thu nhập hoạt động khác	31.866.219	25.330.122
Cộng	597.073.890	1.663.088.146

31. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí hoạt động tự doanh	5.260.160.406	15.428.091.493
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	2.022.333.789	4.820.202.922
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	186.188.416	204.536.484
Chi phí dịch vụ khác	23.931.504	31.209.285
Cộng	7.492.614.115	20.484.040.184

32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi	405.678.156	633.359.883
Cộng	405.678.156	633.359.883

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.875.832.483	4.160.014.950
Chi phí vật tư văn phòng	46.559.583	61.858.827
Chi phí khấu hao TSCĐ	267.003.145	186.149.408
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.656.261.762	3.854.530.382
Chi phí bằng tiền khác	738.902.370	2.743.519.700
Cộng	11.587.559.343	11.009.073.267

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong kỳ	(903.627.697)	(5.978.785.571)
Cộng	(903.627.697)	(5.978.785.571)

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	6.155.990.111	73.757.114.080
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	112.097.019	112.097.019
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	55	658

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
		VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản Trí Việt	Công ty mẹ		
Giao dịch với bên liên quan			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản Trí Việt			
Phí lưu ký		4.365.469	9.384.712
Phí mua, bán chứng khoán, phí chuyển khoản		16.641.914	626.974.652
Lãi tiền gửi nhà đầu tư		1.208.462	16.579.753
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		30.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT

Tầng 2, số 142 Đội Cấn, phường Ngọc Hà,
thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**Số dư với bên liên quan**

Tiền gửi giao dịch chứng khoán	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản Trí Việt	8.965.564.234	9.122.682.978

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

STT Họ và tên	Chức danh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
		VND	VND
1 Bà Nguyễn Thị Hằng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	818.685.185	632.854.000
2 Bà Phạm Thị Thanh Huyền	Chủ tịch Hội đồng quản trị (bỏ nhiệm ngày 18/04/2023, miễn nhiệm ngày 29/03/2024)	-	591.846.000
3 Ông Nguyễn Đức Thanh	Thành viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 07/06/2025)	25.000.000	5.000.000
4 Ông Trần Vũ Hoàng Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập (Bỏ nhiệm ngày 07/06/2025)	130.000.000	-
5 Ông Phạm Văn Khiêm	Thành viên Hội đồng quản trị	51.666.663	61.111.110
6 Bà Phạm Thanh Hoa	Thành viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 03/06/2024)	-	172.757.111
7 Ông Ngô Long Giang	Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 16/01/2025)	1.112.347.826	-
8 Ông Chu Tuấn An	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16/01/2025)	-	141.304.000
9 Bà Phùng Thị Thu Hà	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/04/2024)	-	180.600.000
10 Ông Nguyễn Anh Đức	Kế toán trưởng	234.576.027	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT

Tầng 2, số 142 Đội Cấn, phường Ngọc Hà,
thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

37. THÔNG TIN KHÁC**MUA LẠI CỔ PHIẾU QUỸ**

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ/TVB ngày 17/06/2023 đã thông qua việc mua lại cổ phiếu để giảm vốn điều lệ với số lượng cổ phiếu mua lại tối đa là 5.000.000 cổ phiếu, phương thức giao dịch mua lại là khớp lệnh hoặc thỏa thuận. Tuy nhiên theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/06/2024 về việc không thực hiện mua lại cổ phiếu để giảm vốn điều lệ đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua để thực hiện thủ tục mua lại cổ phiếu của người lao động theo chương trình ESOP năm 2021.

Ngày 25/06/2024 Công ty có Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT/TVB Điều chỉnh phương án mua lại cổ phiếu của người lao động theo phương án phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty (đã hết thời gian bị hạn chế chuyển nhượng). Theo đó, Công ty điều chỉnh số lượng cổ phiếu dự kiến mua lại là 2.985.500 cổ phiếu, đồng thời điều chỉnh danh sách người lao động nghỉ việc được mua lại cổ phiếu thay thế danh sách tại Điều 1 Nghị quyết HĐQT số 23/2023/NQ-HĐQT/TVB ngày 25/09/2023. Tới thời điểm lập Báo cáo này, quá trình mua lại cổ phiếu vẫn chưa được thực hiện.

Ngày 27/06/2024, Công ty đã thực hiện tạm ứng mua lại Cổ phiếu với giá trị 100% giá trị mua lại ước tính cho một số cá nhân với tổng giá trị là 15,49 tỷ đồng.

THAY ĐỔI CƠ CẤU TỔ CHỨC, MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ/TVB ngày 07/06/2025 của Công ty đã thông qua việc Thay đổi cơ cấu tổ chức, mô hình hoạt động của Công ty theo điểm b, khoản 1, điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Hoàng Thị Trà My

Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Đức

Tổng Giám đốc



Ngô Long Giang